TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH B

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám
2. Ông Hồ Sĩ Tiến

*Thư ký phiên tòa***:** Ông Khuất Cao Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 604/2022/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022; Thông báo mở lại phiên toà số 169/2022/TB-MPT ngày 29/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố V giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố V, tỉnh B. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2.Bị đơn: ông Nguyễn Tiết C, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố V, tỉnh B. (vắng mặt xét xử lần 2 không lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2022 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Nguyễn Tiết C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V, tỉnh B. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác nhau về lối sống, không có tiếng nói chung. Từ những nguyên nhân đó làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng luôn căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tiết C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều D xác định vợ chồng có 01 (một) con chung là Nguyễn Thiên T, sinh ngày: 03/3/2015. Bà Nguyễn Thị Kiều D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; Bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Tiết C vắng mặt nhiều lần các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do chính đáng.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng các quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D đối với ông Nguyễn Tiết C.

- Hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với ông Nguyễn Tiết C.

- Con chung: 01 (một) con chung là Nguyễn Thiên T, sinh ngày: 03/3/2015. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, con có nguyện vọng được ở với mẹ, trên thực tế hiện nay các cháu đang sống cùng với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án ông C không thể hiện nguyện vọng nuôi con. Do đó, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên đề nghị giao các con cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 17/5/2022 bà Nguyễn Thị Kiều D có đơn khởi kiện ông Nguyễn Tiết C về việc xin ly hôn. Bà D và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc "ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố V.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà D có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông C nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông C theo khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà D và ông C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 06-4-2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V, tỉnh B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà D cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông C.

Qua xác minh được biết, vợ chồng bà D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống một nơi. Ông C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử đã tạo điều kiện cho ông C trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để Hội đồng xét xử xem xét nhưng ông C không thể hiện thiện chí đoàn tụ hàn gắn gia đình, đã tự tước bỏ quyền lợi của mình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông C là có thật; Hai vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, hai bên đều không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, cuộc sống vợ chồng không còn ý nghĩa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông C là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: có 01 (một) con chung là Nguyễn Thiên T, sinh ngày: 03/3/2015. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, trên thực tế hiện nay bà D là người trực tiếp chăm sóc con; con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông C nhiều lần vắng mặt và không thể hiện nguyện vọng về con chung. Vì vậy, nhằm không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ nên giao cả con chung cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5].Về án phí: Bà D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều D.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều D được ly hôn với ông Nguyễn Tiết C.

Về con chung: có 01 (một) con chung là Nguyễn Thiên T, sinh ngày: 03/3/2015. Bà Nguyễn Thị Kiều D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thiên T; Bà D không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông C được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều D phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002643 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V. Bà D đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh B xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TPVT;
- Chi cục THADS TPVT;
- TAND tỉnh B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã L, TP.V;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG